

Đặc điểm, tiềm năng và định hướng bảo tồn không gian Hồ Gươm trong sự phát triển tiếp nối

Characteristics, potential and orientation for conservation of Sword Lake's space in continuing development

> PGS.TS KHUẤT TÂN HƯNG*, TS.KTS ĐẶNG HOÀNG VŨ
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, *Email: hungkt@hau.edu.vn

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu hướng tới việc đánh giá lại những đặc điểm của không gian Hồ Gươm, Hà Nội và tiềm năng bảo tồn của nó, từ đó đề xuất định hướng bảo tồn trong sự phát triển tiếp nối. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là phương pháp đánh giá tiềm năng bảo tồn do Nahoum Cohen đề xuất, nhưng được điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tiễn của đô thị Việt Nam, đồng thời thuận lợi hơn cho công tác đánh giá. Các dữ liệu được thu thập và tổng hợp từ nghiên cứu tài liệu và khảo sát đánh giá trực tiếp tại địa điểm. Kết quả nghiên cứu được định lượng hóa cho thấy không gian Hồ Gươm có tiềm năng bảo tồn rất lớn, lên tới 76/100 điểm. Điều đó một mặt khẳng định những giá trị nhiều mặt của Hồ Gươm, mặt khác nhận diện được những vấn đề và thách thức cụ thể đối với không gian quý giá này, để từ đó có định hướng bảo tồn và bổ sung giá trị cho nó.

Từ khóa: Hồ Gươm; bảo tồn; di sản đô thị; đánh giá tiềm năng bảo tồn.

ABSTRACT

This study aims to re-evaluate the characteristics of the space of Hanoi's Sword Lake and its conservation potentials, thereby proposing conservation orientation in the continuing development. The main research method used is the Method of Urban Heritage Conservation Potentials Assessment proposed by Nahoum Cohen, but it has been adjusted to adapt to the specific contexts of Vietnamese urban heritages and at the same time more convenient for process of assessment. The data were collected and aggregated from the literature review and on-site survey and evaluation. Quantitative research results show that Sword Lake's space has great conservation potential, up to 76/100 points. That on the one hand affirms its multifaceted values, on the other hand identifies specific problems and challenges for this precious space, so as to have an orientation to conserve and add values to the area.

Keywords: Sword Lake; conservation; urban heritage; Conservation potential assessment.

1. MỞ ĐẦU

Hồ Gươm hay còn được gọi là Hồ Hoàn Kiếm nằm ở trung tâm Thủ đô Hà Nội, giữa khu phố cổ và khu phố cũ. Đây cũng là không gian linh thiêng gắn liền với những sự tích huyền thoại của người Việt trong công cuộc chống giặc ngoại xâm.

Hồ Gươm được đề cập khá nhiều trong các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước. Đáng chú ý trong số đó là cuốn sách *"Thăng Long - Hà Nội mười thế kỷ đô thị hoà"* của Trần Hùng và Nguyễn Quốc Thông, *"Lịch sử Hà Nội"* của P. Papin, *"Kiến trúc và quy hoạch Hà Nội thời Pháp thuộc"* của Trần Quốc Bảo và Nguyễn Văn Đình, *"Hà Nội chu kỳ của những đổi thay"* của P. Clément và N. Lancret, *"Khu phố tây ở Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX qua tư liệu địa chính"* của Phan Phương Thảo, các luận án tiến sĩ *"Mô hình và phương pháp quy hoạch cải tạo, phát triển khu phố trung tâm cũ TP Hà Nội"* của Nguyễn Quốc Thông, *"Đặc điểm và sự biến đổi cấu trúc không gian khu phố cũ Hà Nội"* của Vũ Hoài Đức, *"Fabrication de la ville de Hanoi entre planification et pratiques habitantes - Conception, production et réception des formes bâties"* của E. Cerise, đề tài NCKH *"Cải tạo, bảo tồn, nâng cấp các khu phố*

cổ, cũ trong các đô thị Việt Nam" của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội... Tuy nhiên, trong phần lớn các nghiên cứu, Hồ Gươm chỉ được đề cập đến như một cấu trúc thành phần của Khu phố cũ Hà Nội, mà chưa được nghiên cứu một cách cụ thể để chỉ ra các vấn đề nội tại của nó. Số lượng nghiên cứu tập trung vào không gian Hồ Gươm và coi nó như một đối tượng có nội hàm riêng là không nhiều. Trong đó đáng chú ý là nghiên cứu của Nguyễn Phú Đức về hình thái và sự chuyển hóa hình thái không gian kiến trúc Hồ Gươm và quản lý công trình cao tầng Khu vực Hồ Gươm và phụ cận, hay phân tích của Vũ Hoài Đức về sự biến đổi cấu trúc không gian khu vực Hồ Gươm với tư cách là "gạch nối" giữa Khu phố cổ và Khu phố cũ.

Cho đến nay, Hồ Gươm mặc nhiên được công nhận là "viên ngọc quý" của Thủ đô Hà Nội với rất nhiều giá trị về văn hóa - lịch sử, quy hoạch - kiến trúc, cảnh quan, môi trường... Tuy nhiên phần lớn những giá trị đó chủ yếu được đánh giá một cách định tính và được nhìn nhận trong trạng thái "tĩnh". Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này hướng tới việc vận dụng phương pháp đánh giá tiềm năng bảo tồn để định lượng hóa các giá trị cụ thể của không gian

Hồ Gươm và phụ cận, từ đó nhận diện những nguy cơ và đề xuất định hướng bảo tồn cho không gian này. Các giá trị được định lượng này cũng có tính “động” hơn bởi chúng sẽ thay đổi khi bối cảnh của khu vực nghiên cứu thay đổi.

2. TỔNG QUAN VỀ HỒ GƯƠM

2.1. Vị trí

Hồ Gươm nằm ở trung tâm Thủ đô Hà Nội, có diện tích 10,7 ha, được bao bọc bởi phố Đinh Tiên Hoàng ở phía đông và phía bắc, phố Lê Thái Tổ ở phía tây, và phố Hàng Khay ở phía nam. Đây cũng chính là không gian chuyển tiếp kết nối Khu 36 phố phường - còn được gọi là Khu phố cổ Hà Nội, vốn được hình thành từ rất lâu đời, ở phía bắc và Khu phố cũ (còn gọi là Khu phố Pháp) được hình thành từ cuối thế kỷ 19 ở phía nam (Hình 1, 2).



Hình 1. Hồ Gươm trên Google Map



Hình 2. Toàn cảnh không gian Hồ Gươm (Nguồn: Lê Thế Thắng)

2.2. Lịch sử hình thành và phát triển của không gian Hồ Gươm

Vốn là một nhánh của sông Hồng, Hồ Gươm đã được hình thành từ lâu và từng mang nhiều tên gọi khác nhau: Hồ Lục Thủy (do màu nước xanh quanh năm), Hồ Tả Vọng, Hồ Thủy Quân... Tên gọi Hồ Gươm hay Hồ Hoàn Kiếm có từ đầu thế kỷ 15, gắn liền với truyền thuyết trả gươm cho rùa thần của vua Lê Thái Tổ sau khi đánh đuổi giặc Minh xâm lược. Đây cũng là tên gọi chính thức của Hồ hiện nay.

Trước đây Hồ có quy mô rộng hơn rất nhiều, kéo dài từ bên trong khu vực phố cổ, phía sau phố Hàng Đào cho đến tận phố Hàng Chuối. Đầu thế kỷ 18, chúa Trịnh Giang đã làm đường ngăn đôi hồ thành Hồ Tả Vọng và Hồ Hữu Vọng. Hồ Hữu Vọng được dùng làm nơi duyệt quân thủy chiến của triều đình nên đến thời

Nguyễn còn được gọi là Hồ Thủy Quân [20, tr.21]. Trải qua quá trình đô thị hóa, Hồ Hữu Vọng dần bị lấp cho mục đích phát triển, còn Hồ Tả Vọng (Hồ Gươm ngày nay) được người Pháp cải tạo, chỉnh trang, bổ sung, hoàn thiện các tuyến giao thông xung quanh và có diện tích ổn định cho đến tận ngày nay.

Có lẽ ngay từ thời Lý, Hồ Gươm đã được coi là danh lam thắng cảnh của đất Thăng Long. Tương truyền khi vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long, trên hòn đảo nhỏ giữa hồ đã có một ngôi đền, vua đặt tên cho hòn đảo là Ngọc Tượng Sơn còn ngôi đền là đền Ngọc Tượng. Ở khu vực ven hồ, năm 1056 vua Lý Thánh Tông đã cho xây dựng chùa Báo Thiên (Sùng Khánh Báo Thiên Tự). Đây là ngôi quốc tự quan trọng bậc nhất thời Lý Trần với tòa tháp cao 20 trượng (khoảng 70m) - được coi là một trong An Nam tứ Đại khí. Ngay gần đó, chùa Bà Đá (phố Nhà Thờ ngày nay) cũng được khởi dựng trong thời kỳ này.

Đến thời Hậu Lê, một số công trình quan trọng tiếp tục được xây dựng hoặc thay thế những công trình đổ nát trong khu vực Hồ: to lớn và hoành tráng bậc nhất là Lầu Ngũ Long được xây dựng ở vị trí bưu điện ngày nay, Chùa Phố Giác (hay còn gọi là chùa Tàu Tượng) được xây dựng ở vị trí UBND TP Hà Nội hiện nay, Đền Bà Kiệu được xây dựng ở chéch lối vào đền Ngọc Sơn. Vào đầu thế kỷ 18 trên đảo Rùa giữa hồ, chúa Trịnh cho xây đình Tả Vọng làm nơi ngắm cảnh [19, tr.34], [20, tr.27]. Trên đảo Ngọc chúa Trịnh Giang đã dựng cung Khánh Thụy làm nơi hóng gió, đồng thời đắp 2 gò núi Đào Tai và Ngọc Bội ở bờ hồ phía đông. Sau khi cung Khánh Thụy bị phá hủy vào cuối thời Lê, một nhà từ thiện đã xây dựng chùa Ngọc Sơn thờ Phật tại vị trí đó [21, tr.241-142]. Cuối thế kỷ 18, Đình Nam Hương được xây dựng ở vị trí khách sạn Apricot hiện nay (trước là khách sạn Phú Gia). Cũng vào thời kỳ này, ven hồ còn được dựng nhiều kiến trúc như Nguyệt đài, Thủy tạ. Phương đình... [20, tr.27].

Sang thời Nguyễn, xung quanh và bên trong không gian Hồ Gươm, các công trình tôn giáo, tín ngưỡng vẫn tiếp tục được bổ sung hoặc tôn tạo/thay thế các công trình cũ đã bị hư hại. Chùa Liên Trì (Báo Ân) - một ngôi chùa lớn với kiến trúc và điêu khắc độc đáo được xây dựng tại vị trí Lầu Ngũ Long. Năm 1843 chùa Ngọc Sơn được xây dựng lại và đổi thành đền Ngọc Sơn, thờ Tam Thánh. Đến năm 1865 đền Ngọc Sơn được Phương đình Nguyễn Văn Siêu vận động xây dựng lại và bổ sung một số hạng mục như đình Trần Ba, Cầu Thê Húc cùng Tháp Bút và Đài Nghiên ở lối vào đền [21, tr.139], [1, tr.88] và có hình thức ổn định cho đến ngày nay.

Vào thời Pháp thuộc, người Pháp đã ngay lập tức nhận ra vẻ đẹp và giá trị của Hồ Gươm. André Masson viết: “Nó là một vòng trang sức của Hà Nội, là cái gạch nối vui tươi giữa khu phố người bản xứ với khu phố Pháp” [14, tr.122]. Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer trong cuốn hồi ký của mình cũng cho rằng, đây là hồ rất duyên dáng, làm nên sự quyến rũ của toàn thành phố [8, tr.229]. Và ngay từ năm 1883, một trong những thú vui của đất kinh kỳ là dạo chơi quanh hồ hay chèo thuyền trên mặt nước [3, tr.39]. Cùng với quá trình cải tạo, chỉnh trang và mở đường vòng quanh hồ, người Pháp đã xây dựng nhiều công trình kiến trúc quan trọng ở khu vực quanh hồ, đáng chú ý trong số đó là nhà Thờ Lớn, tòa Đốc Lý, Bưu điện, Dinh Thống sứ Bắc Kỳ, ngân hàng Đông Dương, tòa nhà Godard, trụ sở báo Avenir du Tonkin, Sở Cảnh sát, nhà Thủy Tạ... Tiếc rằng để thực hiện điều này, một số công trình kiến trúc đặc sắc ở ven hồ như chùa Báo Thiên, chùa Báo Ân¹, chùa Phố Giác... đã bị phá hủy.

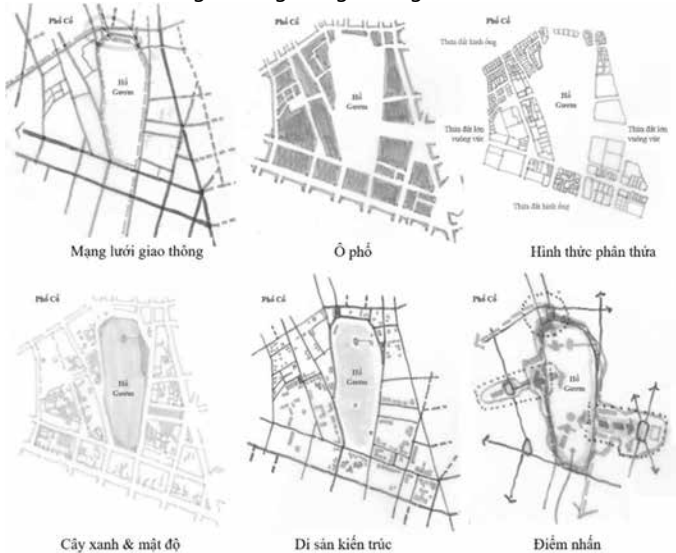
¹ Dấu vết còn lại duy nhất của Chùa Báo Ân là tháp Hòa Phong nằm ven Hồ Gươm, đối diện Bưu điện Bờ Hồ

Với vẻ đẹp và những giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nổi trội, Di tích lịch sử và Danh lam thắng cảnh Hồ Gươm và đền Ngọc Sơn đã được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt theo Quyết định 2383/QĐ-TTg, ngày 09/12/2013 của Thủ tướng Chính Phủ. Theo Hồ sơ xếp hạng di tích (Tư liệu Cục Di sản Văn hóa), cụm Di tích này bao gồm 3 thành phần chính: Hồ Gươm, Đền Ngọc Sơn và Khu Tưởng niệm Vua Lê Thái Tổ.

2.3. Đặc điểm quy hoạch và kiến trúc

Các nhà nghiên cứu lịch sử và quy hoạch kiến trúc đều thống nhất rằng Hồ Gươm là không gian chuyển tiếp giữa Khu phố cổ ở phía bắc và tây bắc với Khu phố cũ ở phía nam và đông nam. Những dấu vết quy hoạch và kiến trúc cho thấy rất rõ điều đó.

Về quy hoạch, các tuyến đường xung quanh hồ thể hiện rõ sự giao nhau giữa hình thái có phần tự do, ngẫu phát của Khu 36 phố phường với mạng lưới chặt chẽ hình ô cờ của Khu phố Pháp ở phía nam. Sự “va chạm” này tạo ra các không gian khá thú vị như Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục, Quảng trường Chí Linh, Quảng trường Cách Mạng Tháng Tám, vườn hoa Diên Hồng, vườn hoa đền Bà Kiệu, vườn hoa Tây Sơn..., đồng thời xuất hiện những điểm nhấn kiến trúc có tầm nhìn xa do án ngữ ở cuối trục cảnh quan như Nhà hát lớn, Ngân hàng Đông Dương.



Hình 3. Cấu trúc không gian và các điểm nhấn cảnh quan của Hồ Gươm và khu vực phụ cận. (Nguồn: [11])

Hồ Gươm cũng là không gian kết nối các khu vực chức năng xung quanh: ở phía bắc Hồ là không gian buôn bán truyền thống theo kiểu phố hàng đặc trưng của người Việt, phía tây là trung tâm tôn giáo với sự góp mặt của nhà thờ Lớn, phía đông là trung tâm hành chính và phía đông nam và nam là trung tâm thương mại, dịch vụ kiểu phương Tây. Cách thức tổ chức này làm cho Hồ Gươm trở nên đặc biệt hấp dẫn, thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa hai nền văn hóa hoàn toàn khác biệt. Đây cũng được coi là nơi có sự đối thoại và giao thoa rõ rệt nhất giữa 2 nền văn hóa Việt và Pháp trên khía cạnh kiến trúc đô thị [11] như Arnauld Le Brusq đã viết “*sự chuyển hóa những chuẩn mực về đô thị được du nhập từ phương Tây thể hiện qua việc kết hợp tính hợp lý kiểu phương Tây với nét duyên dáng Á châu*” [18, tr.24] (Hình 3).

Về kiến trúc, đó là sự hòa hợp giữa kiến trúc truyền thống Việt mà tiêu biểu là cụm di tích đền Ngọc Sơn và đền Bà Kiệu với các công trình kiến trúc thuộc địa Pháp như nhà thờ Lớn, Bưu điện, Tòa Đốc lý..., trong đó dù có quy mô tương đối khiêm tốn, nhưng do có vị trí đặc địa nên Đền Ngọc Sơn đóng vai trò là công trình chi phối cảnh quan và môi trường kiến trúc.

Việc bổ sung các công trình kiến trúc đa dạng trong và sau thời kỳ Pháp thuộc đã làm phong phú thêm quỹ kiến trúc trong khu vực Hồ Gươm và làm gia tăng chất lượng đô thị. Ngay trong thời Pháp thuộc, người Pháp đã liên tục bổ sung hoặc thay thế những công trình kiến trúc khu vực quanh Hồ và tạo ra sự đa dạng về phong cách kiến trúc: từ phong cách Tiền thực dân (Tòa Đốc lý - 10 Lê Lai, nay là Sở Ngoại vụ Hà Nội), Neo-Gothic (nhà thờ Lớn), Đế chế thứ hai (Nhà hát thành phố - nay là Nhà hát lớn Hà Nội), Tân cổ điển Pháp (Đình Thống sứ Bắc kỳ - nay là Nhà khách Chính phủ, Khách sạn Métropole - nay là Khách sạn Sofitel Métropole, Sở Bưu điện - nay thuộc Bưu điện Hà Nội, Trụ sở báo Avenir du Tonkin - nay là Tòa soạn Báo Hà Nội mới, Sở Cảnh sát - nay là Công an quận Hoàn Kiếm...), đến phong cách Art Deco (Ngân hàng Đông Dương - nay là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quỹ Tín dụng bất động sản - nay là Nhà Triển lãm 93 Đinh Tiên Hoàng, Phòng Thương mại và Nông nghiệp - nay là Bưu điện Quốc tế), và phong cách Đông Dương (Bảo tàng Louis Finot - nay là Bảo tàng Lịch sử, Nhà Thủy tạ Bờ Hồ). Rất nhiều công trình kiến trúc trong số đó biểu hiện sự hòa nhập của 2 nền văn hóa, với xu hướng “*tạo ra một nền văn hóa pha trộn giữa chủ nghĩa duy lý của phương Tây với triết học của phương Đông*” [15, tr.159].

Tiếp theo, một số công trình kiến trúc giai đoạn sau 1954 được bổ sung vào khu vực ven Hồ Gươm đã khẳng định được giá trị và tạo thêm cảm nhận về tính liên tục của lịch sử. Tòa Bưu điện Hà Nội xây dựng năm 1978 tạo ra một điểm nhấn mới trong không gian kiến trúc Hồ Gươm và trở thành một hình ảnh thân quen đối với người Hà Nội. Cũng trong thời kỳ này, Cung Thiếu nhi Hà Nội - một công trình có thể được coi là di sản kiến trúc hiện đại của Thủ đô đã được xây dựng ở gần đó, khẳng định sự tiếp nối kiến trúc truyền thống Việt theo hướng vừa dân tộc vừa hiện đại. Tuy nhiên, cũng không hẳn là công trình nào cũng thành công khi tham gia vào không gian hồ Gươm, chẳng hạn như Trụ sở UBND TP Hà Nội (1987) với sự nhấn mạnh theo phương đứng bằng những mảng, khối đặc chắc tạo ra sự tương phản quá mức với không gian cảnh quan ven hồ, tòa nhà “Hàm cá mập” tỏ ra lạc lõng trong không gian chuyển tiếp giữa Hồ Gươm và Khu 36 phố phường, hay tòa nhà Bảo Việt trên phố Lê Thái Tổ có chiều cao đến 8 tầng nhưng vẫn không thoát được cái vỏ bọc “nặng cổ”...

3. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản kiến trúc và đô thị

Trước đây, việc đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị chủ yếu dựa trên cơ sở định tính, tạo ra cảm nhận rằng việc đánh giá đó phụ thuộc quá nhiều vào những suy luận chủ quan của người đánh giá. Để khắc phục điều đó, năm 1999 nhà nghiên cứu Nahoum Cohen (Israel) đã đề xuất phương pháp đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị. Phương pháp này tìm ra những nét khác biệt độc đáo của di sản và đánh giá giá trị lịch sử và thẩm mỹ của nó dựa trên 5 tiêu chí:

1. Đặc điểm và ranh giới của khu vực đô thị nghiên cứu
2. Sự độc đáo của địa điểm và cảm nhận về địa điểm
3. Tỷ lệ và các mối quan hệ nội tại (không gian, hình khối...)
4. Phong cách và các đặc trưng kiến trúc của khu vực
5. Vật liệu và phương pháp xây dựng đặc thù

Các tiêu chí nói trên được đánh giá là quan trọng như nhau và điểm số cao nhất cho mỗi tiêu chí là 20 [6]. Thang điểm này khi tổng hợp lại thì số điểm đạt được (so với tổng mức 100) sẽ phản ánh trạng thái chung của khu vực dưới dạng tỉ lệ % một cách tương đối định lượng. Khi tổng số điểm đạt >50 thì khu vực đô thị

đó là có giá trị và có tiềm năng di sản đáng kể để bảo tồn, và tổng điểm càng cao thì giá trị cũng như tiềm năng bảo tồn càng lớn.

Có thể dễ dàng nhận thấy, phương pháp của N. Cohen chủ yếu đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị trên cơ sở phân tích và đánh giá những khía cạnh vật thể của các thành tố cấu thành di sản đô thị đó. Trong khi đó khía cạnh phi vật thể - vốn là phần quan trọng không thể tách rời của di sản đô thị, nhất là đối với các đô thị phương Đông lại ít được đề cập đến [13]. Ngoài ra phương pháp này chủ yếu vận dụng cho các di sản đô thị không có sự hiện diện của các yếu tố tự nhiên như mặt nước, cây xanh... - vốn là những thành tố đóng vai trò quan trọng làm nên đặc trưng của nhiều di sản đô thị, trong đó có các đô thị Việt Nam.

Do đó, để phù hợp với điều kiện thực tế của địa điểm nghiên cứu, các tiêu chí đánh giá tiềm năng bảo tồn của N. Cohen được điều chỉnh như sau:

1. Đặc điểm tổng thể và ranh giới của khu vực di sản đô thị.

2. Sự độc đáo của di sản đô thị trong mối quan hệ với các khía cạnh tinh thần và phi vật thể của địa điểm.

3. Tỷ lệ và các mối quan hệ nội tại của di sản đô thị.

4. Phong cách và các đặc trưng kiến trúc trong khu vực.

5. Vật liệu và phương pháp xây dựng đặc thù.

Trong đó tiêu chí 1 và tiêu chí 3 sẽ bao hàm cả khía cạnh tự nhiên như cây xanh, mặt nước..., tiêu chí 2 được bổ sung các yếu tố phi vật thể để nhấn mạnh tinh thần nơi chốn của địa điểm, còn tiêu chí 4 và 5 về cơ bản vẫn được giữ nguyên,

Dựa trên đặc điểm và tính chất của địa điểm nghiên cứu, để gia tăng độ chính xác và tính ứng dụng của kết quả đạt được, mỗi tiêu chí được chia thành 4 chỉ tiêu cụ thể như được trình bày trong Bảng 1, trong đó số điểm tối đa của mỗi chỉ tiêu là 5. Việc chia nhỏ thành 20 chỉ tiêu cũng giúp việc đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị trở nên dễ dàng và thuận lợi hơn.

Bảng 1: Bộ tiêu chí đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị phù hợp với đô thị Việt Nam (Nguồn: tác giả)

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm
1. Đặc điểm tổng thể và ranh giới của khu vực di sản đô thị (điểm tối đa: 20)	1.1. Khu vực di sản đô thị có ranh giới rõ ràng và ổn định	5
	1.2. Cấu trúc mạch lạc, thể hiện các giai đoạn phát triển của lịch sử	5
	1.3. Đặc điểm nổi trội của hình thái không gian kiến trúc	5
	1.4. Khả năng tiếp cận dễ dàng và thuận lợi cho trải nghiệm và cảm nhận giá trị	5
2. Sự độc đáo của di sản đô thị trong mối quan hệ với các khía cạnh tinh thần và phi vật thể của địa điểm (điểm tối đa: 20)	2.1. Quần thể di sản đô thị có tính độc đáo, tạo cảm nhận không thể sai lầm về địa điểm	5
	2.2. Di sản đô thị mang tính biểu tượng cho cộng đồng/địa điểm	5
	2.3. Di sản đô thị là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa đặc trưng của địa điểm, tạo cảm nhận rõ rệt về tinh thần nơi chốn	5
	2.4. Các không gian chức năng cộng đồng phù hợp với các hoạt động văn hóa của cộng đồng	5
3. Tỷ lệ và các mối quan hệ nội tại của di sản đô thị (điểm tối đa: 20)	3.1. Các yếu tố tự nhiên (cây xanh, mặt nước, địa hình...) và yếu tố nhân tạo có mối quan hệ chặt chẽ và hài hòa với nhau	5
	3.2. Tỷ lệ hợp lý giữa công trình kiến trúc và không gian do chúng tạo ra	5
	3.3. Các điểm nhấn chính, phụ đặc sắc với các công trình/cảnh quan đóng vai trò chi phối tổng thể	5
	3.4. Các không gian thành phần/không gian kết nối đa dạng và hấp dẫn	5
4. Phong cách và các đặc trưng kiến trúc trong khu vực (điểm tối đa: 20)	4.1. Các phong cách kiến trúc tiêu biểu cho các giai đoạn phát triển của lịch sử kiến trúc	5
	4.2. Có các công trình kiến trúc độc đáo và giá trị	5
	4.3. Sự sáng tạo trong tổ chức không gian và hình khối kiến trúc	5
	4.4. Có các công trình công cộng thuận lợi cho việc phát huy và làm gia tăng giá trị của khu vực	5
5. Vật liệu và phương pháp xây dựng đặc thù (điểm tối đa: 20)	5.1. Sự đa dạng và độc đáo trong sử dụng vật liệu	5
	5.2. Phát huy được đặc điểm và tính năng của vật liệu trong bối cảnh cụ thể	5
	5.3. Khả năng liên kết và phối hợp sử dụng các loại vật liệu khác nhau một cách hiệu quả	5
	5.4. Tính độc đáo và hợp lý của phương pháp xây dựng	5
Tổng		100

3.2. Các phương pháp nghiên cứu khác

Để có thể đánh giá và cho điểm đối với từng chỉ tiêu cụ thể, các phương pháp nghiên cứu bổ sung sau đã được sử dụng:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: nghiên cứu các tài liệu của các tác giả trong và ngoài nước về khu vực Hồ Gươm và phụ cận (lịch sử hình thành và phát triển, sự biến đổi cấu trúc không gian, đặc điểm kiến trúc, cảnh quan, các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị...).

- Phương pháp phỏng vấn: Sử dụng các bản đồ được vẽ trong thời Pháp thuộc để phân tích sự biến đổi về cấu trúc khu vực Hồ Gươm

- Phương pháp khảo sát hiện trạng: Được thực hiện vào cuối năm 2020 và đầu năm 2021, bao gồm các hoạt động: quan sát và

phân tích cấu trúc cảnh quan tại chỗ, nhận diện, chụp ảnh, và đánh giá các công trình kiến trúc quan trọng trong khu vực, hòa nhập vào các hoạt động văn hóa, lễ hội và ngày thường tại các không gian quan Hồ.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phân tích các dữ liệu thu thập được và tổng hợp theo các tiêu chí đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Tiềm năng bảo tồn của không gian Hồ Gươm và phụ cận

Trên cơ sở Bộ tiêu chí đánh giá tiềm năng bảo tồn đã được xác định trong Bảng 1, Tiềm năng bảo tồn chung của không gian Hồ Gươm được tổng hợp trong bảng 2 dưới đây:

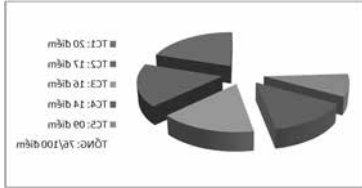
Bảng 2: Đánh giá tiềm năng bảo tồn không gian Hồ Gươm và phụ cận (Nguồn: tác giả)

Tiêu chí	Chỉ tiêu	Điểm
1. Đặc điểm tổng thể và ranh giới của khu vực di sản đô thị: (20/20 điểm)	1.1. Có vị trí trung tâm, không gian Hồ Gươm có ranh giới rõ ràng, được bao bọc bởi các tuyến phố Đinh Tiên Hoàng, Lê Thái Tổ và Hàng Khay. Đây là các tuyến phố được hình thành từ cuối thế kỷ 19 và tạo ra sự ổn định về kích thước cho hồ. Không gian Hồ Gươm mở rộng với ranh giới là phố Hàng Gai và Cầu Gỗ ở phía bắc, phố Lý Thái Tổ và Lê Thánh Tông ở phía đông, phố Hai Bà Trưng ở phía nam, phố Nhà Chung và Lý Quốc Sư ở phía tây rõ ràng và ổn định.	5
	1.2. Có cấu trúc rõ ràng và mạch lạc - ở giữa là hồ nước, bao quanh Hồ là không gian cây xanh (với nhiều cây cổ thụ độc đáo và các loại hoa nở theo mùa) được tách biệt với các công trình kiến trúc của các ô phố lân cận nhờ hệ thống đường giao thông quanh Hồ. Mạng lưới đường giao thông ở phía bắc và tây bắc của hồ tương đối tự do với những tuyến phố nhỏ, hẹp tạo ra các ô phố khá đối nhỏ và không đồng nhất, được tạo thành từ những ngôi nhà ống hẹp và sâu. Khi đó phía nam và đông nam là các tuyến phố lớn, thẳng tạo ra các ô phố lớn với kiến trúc bề thế hơn. Cấu trúc đô thị khu vực ven hồ thể hiện sự chuyển tiếp không thể phủ nhận giữa Khu phố cổ (với những tuyến phố được hình thành từ thế kỷ 12 đến đầu thế kỷ 19) và Khu phố Pháp (với những tuyến phố hình thành cuối thế kỷ 19), tạo ra hình thái đan xen khá thú vị của 2 khu vực đô thị đặc thù.	5
	1.3. Có sự đa dạng và đối lập về hình thái không gian kiến trúc, trong đó nổi bật là sự đối lập giữa hình thái không gian kiến trúc truyền thống ở phía bắc và tây bắc (nhà phố thấp tầng, nhỏ, hẹp được tổ chức khá tự do) với hình thái không gian khu trung tâm hành chính ở phía đông (nhà khối lớn, đứng độc lập, được tổ chức chặt chẽ) và khu phố thương mại kiểu phương Tây ở phía đông nam; sự đối lập của hình thái không gian tôn giáo phương Tây vốn ưa chuộng chiều cao với hình thái không gian kiến trúc nhà phố và không gian tín ngưỡng truyền thống của người Việt có quy mô nhỏ, thấp gần bó hài hòa với cảnh quan. Sự đa dạng của các hình thái không gian kiến trúc đó làm phong phú thêm cho không gian cảnh quan Hồ Gươm	5
	1.4. Không gian Hồ Gươm rất dễ tiếp cận từ nhiều hướng khác nhau. Đó cũng là không gian mở thoáng đãng, có tầm nhìn rộng, thuận lợi cho trải nghiệm và cảm nhận các giá trị	5
2. Sự độc đáo của di sản đô thị trong mối quan hệ với các khía cạnh tinh thần và phi vật thể của địa điểm: (17/20 điểm)	2.1. Hồ Gươm có không gian đặc biệt và hiếm có, trong đó là sự hòa quyện giữa cảnh quan tự nhiên (cây xanh, mặt nước), kiến trúc và con người. Có sự đan xen, tiếp nối của nhiều lớp văn hóa trong suốt quá trình phát triển. Khu vực này từng tồn tại một số phường nghề truyền thống như là sự tiếp nối hữu cơ của Khu 36 phố phường Hà Nội: đó là nghề làm trống, làm lọng, và vẽ tranh dân gian ở phố Hàng Trống, nghề thợ khảm ở phố Hàng Khay [7, tr.330]. Tất cả tạo ra cảm nhận khác biệt, độc đáo và không thể sai lầm về địa điểm.	5
	2.2. Là không gian huyền thoại, gắn liền với truyền thuyết trả gươm cho rùa thần của vua Lê Thái Tổ, Hồ Gươm mang tính biểu tượng của Thủ đô Hà Nội, thể hiện khát vọng hòa bình. Đây cũng từng là nơi sinh sống của loài rùa mai mềm khổng lồ rất quý hiếm có tên trong Sách đỏ mà dân gian gọi là "cụ rùa".	5
	2.3. Rất nhiều hoạt động văn hóa, tinh thần diễn ra ở xung quanh Hồ Gươm: ngày thường đó là nơi dạo chơi, nghỉ ngơi, tập thể dục và sinh hoạt cộng đồng của cư dân, cuối tuần là nơi diễn ra nhiều hoạt động văn hóa đa dạng, các dịp lễ lớn trong năm là nơi tổ chức lễ hội và bắn pháo hoa. Đây cũng là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động thể thao mang tính phong trào. Các cảnh sinh hoạt sống động không ngừng nghỉ này cùng với kiến trúc cảnh quan đặc biệt của hồ tạo cảm nhận rõ rệt về tinh thần nơi chốn. Tuy nhiên còn thiếu những hoạt động truyền thống để gia tăng cảm nhận về "hồn nơi chốn".	4
	2.4. Không gian xung quanh Hồ được chia thành nhiều khu vực chức năng khác nhau vào dịp cuối tuần: không gian biểu diễn sân khấu, nghệ thuật đường phố, vẽ ký họa, triển lãm ngoài trời, vui chơi trẻ em..., nhưng chưa thực sự độc đáo và hấp dẫn.	3
3. Tỷ lệ và các mối quan hệ nội tại của di sản đô thị: (16/20 điểm)	3.1. Cây xanh, mặt nước và các công trình kiến trúc xung quanh có mối quan hệ tương đối hài hòa với nhau, bổ sung cho nhau. Tuy nhiên một số công trình kiến trúc xây dựng trong giai đoạn gần đây không thực sự ăn nhập với địa điểm và tạo ra sự tương phản khá mạnh với cảnh quan.	4
	3.2. Phần lớn các công trình kiến trúc ven Hồ Gươm là các công trình thấp tầng và có tỷ lệ hợp lý với không gian hồ, giúp cho người quan sát có được tầm nhìn rộng và thoáng. Tuy nhiên một số công trình	3

	<p>mới được xây dựng gần đây đang gây ảnh hưởng bất lợi đến tỷ lệ đó. Sát Hố có tòa nhà Bảo Việt trên phố Lê Thái Tổ với chiều cao 8 tầng, xa hơn có một số cao ốc như tòa tháp BIDV trên phố Hàng Vôi, tòa tháp Thaiholding trên phố Tôn Đản, Tòa tháp Vietcombank và tòa tháp BRG trên đường Trần Quang Khải, Khách sạn Melia trên phố Lý Thường Kiệt... Dù số lượng công trình cao tầng chưa nhiều, nhưng với chiều cao vượt trội chúng đang và sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tầm quan sát từ Hồ Gươm và tạo cảm nhận không gian Hồ ngày càng trở nên "chật chội".</p>	
	<p>3.3. Điểm nhấn chính của không gian Hồ Gươm là đền Ngọc Sơn nằm trên đảo Ngọc, và điểm nhấn phụ là Tháp Rùa. Hai công trình này tuy quy mô khiêm tốn nhưng đóng vai trò chi phối cảnh quan và môi trường. Ngoài ra tòa Bưu điện với tháp đồng hồ cũng có thể được coi là điểm nhấn thứ cấp. Tuy nhiên một số công trình có khối tích quá lớn như Tòa nhà Bảo Việt đang làm xáo trộn trật tự này và tạo ra sự tranh chấp không đáng có.</p>	4
	<p>3.4. Không gian Hồ Gươm được tạo thành bởi nhiều không gian thành phần đa dạng và hấp dẫn: ngoài không gian chính là không gian mặt nước với đảo Ngọc và đảo Rùa, còn có không gian cây xanh làm thành một vành đai bao quanh Hồ, quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục và vườn hoa đền Bà Kiệu kết nối Hồ với khu phố cổ ở phía bắc, Vườn hoa Lý Thái Tổ kết nối Hồ với quảng trường Chí Linh ở phía đông...</p>	5
<p>4. Phong cách và các đặc trưng kiến trúc trong khu vực: (14/20 điểm)</p>	<p>4.1. Khu vực Hồ Gươm có sự đa dạng của các phong cách kiến trúc tiêu biểu cho các giai đoạn phát triển của lịch sử kiến trúc: từ phong cách Truyền thống bản địa (đền Ngọc Sơn, đền Bà Kiệu), Tiền thực dân, Neo-gothic, Tân cổ điển Pháp, Đế chế thứ hai, Art Deco, Đông Dương đến phong cách kiến trúc Soviet, và phong cách Hiện đại nhiệt đới.</p>	5
	<p>4.2. Trong khu vực có nhiều công trình kiến trúc độc đáo và giá trị: cụm di tích đền Ngọc Sơn, Nhà Hát lớn Hà Nội, Nhà khách Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nhà Thủy tạ, Cung Thiếu nhi Hà Nội...</p>	4
	<p>4.3. Trong khu vực có một số công trình kiến trúc rất sáng tạo trong tổ chức không gian và hình khối, chẳng hạn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - công trình phong cách Art Deco được coi là đẹp nhất ở Hà Nội - với cách lấy ánh sáng tự nhiên độc đáo và sinh động nhờ các vòm bê tông cốt thép lắp kính ở trên mái, tạo ra sự hấp dẫn và mê hoặc cho không gian bên trong, hay Cung Thiếu nhi Hà Nội với cách khai thác không gian chuyển tiếp và các tấm chắn nắng phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương...</p>	3
	<p>4.4. Trong khu vực có nhiều công trình công cộng nhưng phần lớn là trụ sở cơ quan, văn phòng... với khả năng tiếp cận tương đối hạn chế, nên không dễ hòa nhập vào không gian chung và làm gia tăng giá trị của địa điểm. Một số công trình/khu vực có chức năng văn hóa ở sát Hồ nhưng hoạt động chưa thực sự hiệu quả như Nhà Triển lãm 93 Đinh Tiên Hoàng hay Trung tâm Thông tin Văn hóa Hồ Gươm, được tổ chức lộn xộn, thiếu hấp dẫn như phố sách Đinh Lễ, hoặc có quy mô khiêm tốn nên chưa phát huy được giá trị như Không gian Văn hóa Việt (tại vị trí cũ của nhà Khai Trí Tiến Đức), hay Nhà hát múa rối Thăng Long.</p>	2
<p>5. Vật liệu và phương pháp xây dựng đặc thù: (9/20 điểm)</p>	<p>5.1. Vật liệu trong các công trình kiến trúc ở khu vực Hồ Gươm chủ yếu là những vật liệu thông thường và ít có sự khác biệt trong sử dụng. Độc đáo nhất chỉ có Cầu Thê Húc với cấu trúc gỗ uốn cong duyên dáng² và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với cấu trúc vòm trần lấy sáng bằng bê tông cốt thép và kính. Một số công trình thời Pháp sử dụng vật liệu đất nung rỗng giữa để làm sàn kiểu Zoellner và Rella và ngói ardoise nhập từ Pháp để lợp mái [17, tr.318-319].</p>	3
	<p>5.2. Nhiều công trình kiến trúc Pháp phát huy được đặc điểm và tính năng của vật liệu để thích ứng với điều kiện khí hậu đặc thù của Hà Nội. Trong khi đó các vật liệu sử dụng cho hệ thống đường giao thông, vỉa hè, lối đi dạo... không tạo được ấn tượng đặc biệt và ít tham dự vào bức tranh cảnh quan của không gian Hồ Gươm.</p>	2
	<p>5.3. Trong các công trình kiến trúc thời Pháp thuộc có sự kết hợp sử dụng vật liệu một cách hiệu quả, chẳng hạn gỗ - kính trong cấu trúc cửa trong kính ngoài chớp, bê tông - kính trong cấu trúc vòm mái lấy sáng của Ngân hàng Đông dương... Trong khi đó các vật liệu sử dụng làm đường giao thông và vỉa hè chưa tạo được sự kết nối hiệu quả với nhau và với không gian cảnh quan hồ</p>	2
	<p>5.4. Phương pháp xây dựng nhìn chung hợp lý với từng thể loại công trình và phù hợp với điều kiện kinh tế và kỹ thuật của thời đại, có sự kết hợp giữa kỹ thuật xây dựng của người Pháp với kỹ thuật cổ truyền của Việt Nam trong các kiến trúc thuộc địa. Trong khi đó giải pháp kê hồ bằng các khối bê tông đúc sẵn giúp ổn định cấu trúc cho lòng hồ nhưng lại góp phần hủy hoại hệ sinh thái ven bờ và làm mất đi nét tự nhiên duyên dáng của hồ.</p>	2
<p>Tổng điểm</p>		<p>76</p>

² Sau khi bị sập vì quá tải, cầu đã được trùng tu nhưng phần cọc đỡ gỗ đã bị thay bằng bê tông cốt thép

Với số điểm lên tới 76/100, có thể thấy không gian Hồ Gươm có tiềm năng bảo tồn rất cao, trong đó tiêu chí 1 được điểm tuyệt đối (20/20), tiêu chí 2, 3 và 4 đạt điểm cao, chỉ có tiêu chí 5 được đánh giá tương đối thấp (9/20) (Hình 4). Kết quả này khẳng định giá trị độc đáo và sự hấp dẫn của không gian Hồ Gươm.



Hình 4. Biểu đồ tương quan điểm số giữa các tiêu chí đánh giá tiềm năng bảo tồn không gian Hồ Gươm

4.2. Định hướng bảo tồn và phát huy giá trị không gian Hồ Gươm

Từ bảng đánh giá trên đây, bên cạnh những chỉ tiêu làm rõ giá trị của không gian Hồ, cũng có thể xác định được những chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu hoặc có thể được cải thiện trong tương lai. Như vậy định hướng bảo tồn và phát huy giá trị không gian Hồ Gươm cũng chính là việc làm sao để gia tăng tiềm năng bảo tồn của nó. Đề xuất cụ thể như sau:

- Bảo tồn và lưu giữ những đặc điểm đã làm nên giá trị nổi trội của không gian Hồ Gươm, tương ứng với các chỉ tiêu đạt điểm tuyệt đối (chỉ tiêu 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 2.1, 2.2, 3.4, và 4.1)

- Trong phạm vi 600m tính từ điểm quan sát tại Hồ Gươm, xác định cụ thể những vị trí có thể xây dựng nhà cao tầng và chiều cao tối đa của chúng sao cho không ảnh hưởng đến tầm nhìn và không gian cảnh quan hồ. Đối với những nhà cao tầng đã được xây dựng, cần có biện pháp cải tạo mặt đứng bằng vật liệu hay màu sắc sao cho ít tác động nhất đến cảnh quan hồ (chỉ tiêu 3.1, 3.2).

- Cải tạo, chỉnh trang một số công trình ven hồ quá tương phản với bối cảnh hoặc có khối tích quá lớn (Tòa nhà Bảo Việt) (chỉ tiêu 3.3).

- Gia tăng cảm nhận về “hồn nơi chốn” cho không gian Hồ Gươm bằng việc bổ sung những các hoạt động sinh hoạt truyền thống, lễ hội... (chỉ tiêu 2.3), đồng thời tổ chức và phân khu lại các không gian chức năng cộng đồng sao cho vừa tôn trọng và phát huy được ý nghĩa của địa điểm cụ thể, vừa có tính sáng tạo để gia tăng sự độc đáo và tính hấp dẫn (chỉ tiêu 2.4).

- Khi cần bổ sung hoặc thay thế công trình cũ, tránh những đề xuất theo hướng “phục cổ”, “nệ cổ” mà lựa chọn những giải pháp có thể bổ sung giá trị cho khu vực thông qua phong cách kiến trúc tiêu biểu, đại diện cho thời đại (chỉ tiêu 4.1), tổ chức hình khối và không gian sáng tạo, độc đáo (chỉ tiêu 4.2, 4.3), khai thác và sử dụng vật liệu hiệu quả và bền vững, công nghệ xây dựng tiên tiến (chỉ tiêu 5.1, 5.2, 5.3, 5.4), nhưng vẫn đảm bảo hài hòa với không gian cảnh quan, trong đó ưu tiên những công trình có chức năng cộng đồng, có thể dễ dàng hòa nhập với các hoạt động ngoài trời trong khu vực để gia tăng giá trị của không gian Hồ Gươm (chỉ tiêu 4.4).

5. BÀN LUẬN

Để thực hiện nghiên cứu này, phương pháp đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị do N. Cohen đề xuất đã được sử dụng. Tuy nhiên phương pháp này đã không được sử dụng theo nguyên bản mà được điều chỉnh để dễ thực hiện hơn thông qua việc chia mỗi tiêu chí thành 4 chỉ tiêu. Với tổng cộng 20 chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu tối đa 5 điểm, việc đánh giá trở nên dễ dàng và cụ thể hơn. Việc điều chỉnh và bổ sung yếu tố cảnh quan, cây xanh và các yếu tố phi vật thể cho Bộ tiêu chí đánh giá khá phù hợp để đánh giá các di sản đô thị ở Việt Nam, trong đó có Hồ Gươm.

Tuy nhiên do chủ yếu dựa trên các dữ liệu định tính nên để đảm bảo độ tin cậy cao, phương pháp đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị cần được thực hiện hoặc góp ý bởi những chuyên gia hàng đầu

có nền tảng kiến thức toàn diện về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa, xã hội, môi trường cảnh quan, di sản và bảo tồn di sản, công nghệ và vật liệu xây dựng.

Kết quả đánh giá tiềm năng bảo tồn cho thấy không gian Hồ Gươm và phụ cận có giá trị và tiềm năng bảo tồn rất lớn. Thực chất, giá trị của Hồ Gươm đã được nhiều nhà nghiên cứu khẳng định, tuy nhiên đây là lần đầu tiên giá trị đó được định lượng bằng số điểm cụ thể. Từ số điểm đánh giá cho từng tiêu chí và chỉ tiêu, chúng ta cũng có thể dễ dàng nhận diện được các giá trị nổi bật của không gian hồ, những tồn tại và cả những nguy cơ mà nó đang đối diện để từ đó có các giải pháp ứng xử phù hợp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của nó.

6. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Không gian Hồ Gươm và phụ cận chứa đựng những giá trị nhiều mặt rất đặc sắc và hấp dẫn cần được lưu giữ và chuyển tiếp cho các thế hệ mai sau. Đồng thời cần nghiên cứu khắc phục những tồn tại và bổ sung những giá trị mới để nâng cao tiềm năng bảo tồn của nó.

Hiện nay không gian Hồ Gươm được bảo vệ bởi Luật Di sản Văn hóa, nhưng do tầm nhìn rất rộng từ Hồ nên không gian này có phạm vi ảnh hưởng lớn. Do vậy cần xây dựng quy chế cụ thể bảo vệ không gian cảnh quan hồ từ những tác động không đáng có của các công trình cao tầng ở xung quanh, trong đó chỉ rõ khu vực/vị trí nào có thể xây dựng nhà cao tầng, chiều cao tối đa cho phép, cùng những gợi ý về hình thức kiến trúc phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chỉ đạo 1000 năm Thăng Long, *Di tích lịch sử - văn hóa trong Khu phố cổ và xung quanh Hồ Gươm*. Nhà xuất bản Hà Nội, 2002.
- [2] Trần Quốc Bảo, Nguyễn Văn Đình, *Kiến trúc và quy hoạch Hà Nội thời Pháp thuộc*. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 2011.
- [3] Bourrin, C., *Bắc kỳ xưa*. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, Hà Nội, 2007.
- [4] Cerise, E., *Fabrication de la ville de Hanoi entre planification et pratiques habitantes - Conception, production et réception des formes bâties*. Thèse de doctorat - Discipline: Architecture, École Nationale supérieure d'Architecture de Paris-Belleville, 2009.
- [5] Clément, P., Lancret, N., *Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2005.
- [6] Cohen, N., *Urban conservation*. The MIT Press, 1999.
- [7] Đại học Quốc gia Hà Nội, *Với Thăng Long Hà Nội*. Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 2011.
- [8] Doumer, P., *Xứ Đông Dương*. Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 2016.
- [9] Nguyễn Phú Đức, *Hà Nội vui sao...* Nhà xuất bản Hà Nội, 2005.
- [10] Nguyễn Phú Đức, *Quản lý công trình cao tầng Khu vực Hồ Gươm và phụ cận*. Tạp chí Xây dựng, 2005.
- [11] Vũ Hoài Đức, *Đặc điểm và sự biến đổi cấu trúc không gian khu phố cũ Hà Nội*. Luận án TS, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2020.
- [12] Trần Hùng, Nguyễn Quốc Thông, *Thăng Long - Hà Nội mười thế kỷ đô thị hoá*. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 1995.
- [13] Khuất Tân Hưng, *Phương pháp đánh giá tiềm năng bảo tồn di sản đô thị - lấy khu Phố cổ Hà Nội làm ví dụ nghiên cứu*. Tạp chí Kiến trúc số 08/2013
- [14] Masson, A., *Hà Nội giai đoạn 1873 - 1888*. Nhà xuất bản Hải Phòng, 2003.
- [15] Nacinovic, C., *Kiến trúc của các công trình công cộng thời thuộc địa ở Hà Nội và ảnh hưởng đối với quá trình phát triển đô thị”, Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2005.
- [16] Papin, P., *Lịch sử Hà Nội*. Nhà xuất bản Mỹ thuật, Hà Nội, 2009.
- [17] Phan Phương Thảo, *Khu phố tây ở Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX qua tư liệu địa chính*. Nhà xuất bản Hà Nội, 2017.
- [18] Nguyễn Quốc Thông, *Lịch sử Hà Nội: thành phố trong lòng mỗi khu phố”, Hà Nội chu kỳ của những đổi thay*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2005
- [19] Hoàng Đạo Thúy, *Người và cảnh Hà Nội*. Nhà xuất bản Hà Nội, 2004.
- [20] Trịnh Xuân Tiến, *Thăng Long thời Lê Trịnh*. Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 2010.
- [21] Nguyễn Đăng Vinh, *Dấu tích ngàn năm Thăng Long Hà Nội*. Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 2005.